

Số: 183.../QĐ-LTT-TTĐT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Công nhận hoàn thành khóa học cho học viên các lớp ngắn hạn
Đợt tháng 01 năm 2019**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-LTT ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong dạy nghề;

Căn cứ kết quả thi cuối khóa của học viên ngắn hạn;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận 108 học viên các lớp ngắn hạn đã hoàn thành khóa học và được cấp Chứng chỉ đào tạo đợt tháng 01 năm 2019. (có danh sách đính kèm)

Điều 2. Các học viên trên được cấp Chứng chỉ đào tạo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các đơn vị có liên quan và các học viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TTĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Đợt tháng 01 năm 2019

(Kèm theo Quyết định số 183... /QĐ-LTT-TTĐT ngày 28 tháng 02 năm 2019
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	GIỚI TÍNH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
1	16003226	Ngô Văn	Đang	05/02/1998	nam	5.0	5.0	5.0	Trung bình
2	17004923	Nguyễn Văn	Đông	31/01/1982	nam	5.5	7.0	6.3	Trung bình
3	NB13	Mai Thu	Hương	25/06/1986	nữ	6.5	4.0	5.3	Trung bình
4	NB14	Võ Tấn	Kiệt	05/01/1987	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
5	NB15	Trần Nhật	Minh	19/08/1992	nam	6.5	6.5	6.5	Trung bình
6	16000374	Phạm Thị Thảo	Nguyên	03/10/2001	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
7	NB4	Cao Thị Hồng	Thắm	02/02/1995	nữ	6.0	5.0	5.5	Trung bình
8	NB12	Nguyễn Cao	Thắng	14/08/1984	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
9	NB1	Vương Thanh	Thủy	03/12/1972	nữ	7.5	5.0	6.3	Trung bình
10	16001430	Nguyễn Văn	Toại	22/02/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
11	NB8	Nguyễn Thị Thanh	Tú	29/08/1978	nữ	6.5	3.5	5.0	Trung bình
12	NB6	Trang Thị Xuân	Uyên	10/03/1970	nữ	5.5	7.0	6.3	Trung bình
13	16001559	Nguyễn Quốc	Bảo	06/08/1997	nam	7.0	5.0	6.0	Trung bình
14	15002549	Phạm Tấn	Đạt	09/01/1997	nam	5.0	5.0	5.0	Trung bình
15	16001517	Tô Trung	Diệu	12/12/1997	nam	8.5	3.5	6.0	Trung bình
16	16001534	Trần Nhật	Hào	04/01/1998	nam	8.0	3.5	5.8	Trung bình
17	15002686	Trần Quốc	Hoàng	29/10/1997	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
18	16001640	Huỳnh Ngọc	Khánh	30/03/1998	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
19	17002030	Nguyễn Duy	Khánh	14/01/1998	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
20	16001619	Nguyễn Minh	Kiệt	27/02/1998	nam	7.0	3.5	5.3	Trung bình
21	17001972	Bùi Thị Hoài	Linh	20/05/1999	nữ	7.5	3.5	5.5	Trung bình
22	16001592	Nguyễn Văn	Long	02/06/1998	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
23	16001513	Huỳnh Lê Thanh	Nhật	01/12/1998	nam	8.5	3.5	6.0	Trung bình
24	16001649	Ngũ Thành	Phát	14/10/1997	nam	8.0	4.0	6.0	Trung bình
25	16002264	Nguyễn Hữu	Phúc	24/10/1998	nam	8.5	8.0	8.3	Giỏi
26	17003827	Nguyễn Thị Trâm	Phương	30/12/1998	nữ	6.5	5.5	6.0	Trung bình
27	17002067	Vũy Trần Minh	Tâm	01/12/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
28	17004875	Nguyễn Lê	Tân	22/07/1988	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
29	16001653	Nguyễn Quốc	Tùng	13/10/1998	nam	7.5	3.5	5.5	Trung bình
30	16001556	Trần Minh	Vũ	08/10/1998	nam	8.5	6.5	7.5	Khá
31	16001542	Nguyễn Trường	Vy	02/10/1998	nữ	6.5	3.5	5.0	Trung bình
32	17004909	Ngô Chí	Công	10/02/1992	nam	5.5	8.5	7.0	Trung bình
33	16001616	Nguyễn Tấn	Đạt	08/08/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
34	17004921	Phạm Tấn	Đạt	10/08/1993	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
35	15002894	Phạm Minh	Đầy	16/10/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
36	15000022	Nguyễn Đức	Duy	23/12/2000	nam	6.0	7.5	6.8	Trung bình
37	16001491	Kiều Anh	Hải	22/02/1998	nam	7.5	3.5	5.5	Trung bình
38	17002644	Nguyễn Đăng	Khoa	04/12/1999	nam	5.5	5.0	5.3	Trung bình
39	16000967	Nguyễn Di	Lý	14/11/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
40	16001190	Nguyễn Trần Minh	Mẫn	03/08/1998	nam	5.0	9.0	7.0	Trung bình
41	16001550	Đặng Công	Phát	24/01/1998	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
42	16001915	Nguyễn Phước	Toàn	15/05/1998	nam	8.0	5.0	6.5	Trung bình
43	12D2060086	Lý Thanh	Tuấn	11/01/1994	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
44	16001551	Trần Thanh	Tuấn	11/03/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
45	16002012	Lê Đình	Văn	05/07/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	GIỚI TÍNH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
46	16002040	Hồ Văn Trường	Duy	18/02/1998	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
47	14000497	Nguyễn Vĩnh	Hào	29/09/1995	nam	7.5	5.0	6.3	Trung bình
48	16002237	Trần Minh	Hoàng	07/04/1998	nam	6.5	5.0	5.8	Trung bình
49	16002505	Võ Đại	Hoàng	21/04/1998	nam	7.0	6.5	6.8	Trung bình
50	16001058	Đoàn Thanh	Hung	26/07/1998	nam	9.0	3.5	6.3	Trung bình
51	16002240	Tô Xuân	Hướng	03/04/1997	nam	6.5	5.0	5.8	Trung bình
52	16001793	Nguyễn Tuấn	Kiệt	29/09/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
53	16001593	Phạm Lê Lai	Láng	03/05/1998	nam	6.5	5.0	5.8	Trung bình
54	17004928	Đoàn Hữu	Long	06/11/1988	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
55	17004871	Lê Tuấn	Nhu	15/05/1993	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
56	16002336	Bùi Minh	Phụng	11/01/1998	nam	6.5	6.5	6.5	Trung bình
57	17004872	Mạch Xuân	Quý	20/09/1993	nam	8.0	6.5	7.3	Khá
58	17003940	Nguyễn Hồng	Quyết	30/12/1993	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
59	17004922	Tạ Công	Tài	18/12/1994	nam	6.0	5.0	5.5	Trung bình
60	16002168	Thới Văn	Tâm	13/04/1998	nam	7.5	3.5	5.5	Trung bình
61	16001999	Phan Minh	Tân	16/05/1997	nam	7.0	6.0	6.5	Trung bình
62	18002483	Mai Thi Phương	Thảo	17/12/2000	nữ	5.5	5.0	5.3	Trung bình
63	15001076	Trần Thị	Thịnh	16/06/1997	nam	6.5	5.0	5.8	Trung bình
64	17000627	Trần Văn	Thịnh	01/02/1996	nam	5.5	5.0	5.3	Trung bình
65	14001021	Lê Quỳnh Anh	Thoại	21/02/1993	nam	5.5	5.0	5.3	Trung bình
66	16003331	Nguyễn Văn	Trọng	06/02/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
67	17003539	Đặng Phúc	Vạn	20/04/1998	nam	6.5	5.0	5.8	Trung bình
68	16002491	Bùi Ngọc	Vĩnh	19/06/1998	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
69	16002941	Huỳnh Hoài	Bảo	30/06/1998	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
70	16000773	Bạch Thái	Bảo	02/01/1997	nam	7.0	6.5	6.8	Trung bình
71	16001525	Lê Quốc	Bảo	26/02/1998	nam	8.0	5.0	6.5	Trung bình
72	16002887	Nguyễn Hoài	Bảo	22/12/1998	nam	6.0	6.0	6.0	Trung bình
73	17003807	Nguyễn Ngọc Quế	Cầm	27/05/1999	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
74	16002483	Lê Chí	Đặng	14/06/1998	nam	9.5	9.0	9.3	Giỏi
75	16000887	Nguyễn Tuấn Thành	Đạt	22/02/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
76	17000833	Lê Hoài	Duy	26/12/1999	nam	7.5	5.0	6.3	Trung bình
77	17001767	Nguyễn Ngọc Triệu	Duy	13/09/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
78	17004943	Nguyễn	Là	15/05/1997	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
79	17004925	Nguyễn Tấn	Lê	11/11/1986	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
80	16002338	Đỗ Phước	Lợi	06/09/1998	nam	7.5	7.5	7.5	Khá
81	16001166	Dư Lâm	Luật	25/08/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
82	16001576	Lê Cao	Nghị	15/06/1998	nam	7.5	5.0	6.3	Trung bình
83	15001454	Phan Văn	Nhon	09/10/1997	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
84	16001418	Lê Thành	Nhon	12/12/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
85	16002982	Nguyễn Hoàng	Sang	03/10/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
86	16001124	Phan Lê Nhật	Tấn	25/04/1998	nam	8.5	3.0	5.8	Trung bình
87	16001377	Trương Hoài	Thanh	22/01/1998	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
88	16001456	Cao Văn	Thành	05/12/1997	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
89	16002981	Phạm Văn	Thuận	26/04/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
90	16001441	Nguyễn Hồng	Tiến	22/04/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
91	16000717	Mai Tuấn	Anh	24/08/1998	nam	7.0	5.5	6.3	Trung bình
92	16002090	Đỗ Duy	Anh	02/04/1998	nam	7.5	6.5	7.0	Khá
93	16002951	Nguyễn Quốc	Công	29/12/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
94	16001916	Nguyễn Thành	Đông	30/05/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
95	16000879	Nguyễn Hoàng Ngân	Giang	30/09/1998	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
96	16001919	Phạm Anh	Kha	11/04/1998	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
97	16000560	Nguyễn Anh	Khoa	15/10/1997	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
98	16000914	Bùi Duy	Khuong	10/07/1998	nam	7.5	4.5	6.0	Trung bình



STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	GIỚI TÍNH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
99	16002013	Phan Thanh	Lâm	16/08/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
100	16003163	Phan Huỳnh Hữu	Lộc	17/02/1997	nam	7.0	5.0	6.0	Trung bình
101	16002522	Đỗ Văn	Lực	22/07/1997	nam	7.5	6.0	6.8	Trung bình
102	16002578	Phạm Văn	Ngọc	24/06/1998	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
103	17004904	Trần Ngọc	Nhút	18/04/1994	nam	7.0	3.5	5.3	Trung bình
104	16002387	Trần Tấn	Phát	21/09/1998	nam	7.5	3.5	5.5	Trung bình
105	16000970	Nguyễn Hồng	Son	09/09/1998	nam	6.0	5.0	5.5	Trung bình
106	16001938	Đoàn Ngọc	Thiện	30/09/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
107	16002005	Nguyễn Minh	Vinh	01/03/1998	nam	7.5	7.5	7.5	Khá
108	16002515	Lâm Quang	Vũ	03/04/1998	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình

(Danh sách có 108 học viên)



Phạm Hữu Lộc

